TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1784/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Ông Lâm Hoàng Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Huy Khang, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1919/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tăng Vũ Trường H, sinh năm: 1983 (có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: 416/6 đường P, Phường X, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Bích L, sinh năm: 1984 (vắng mặt);
Địa chỉ: 416/6 đường P, Phường X, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2017 và các lời khai của ông Tăng Vũ Trường H trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông và bà Võ Thị Bích L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 93, quyển số: 01 ngày 06/6/2005. Qúa trình chung sống ông bà có 02 con chung tên: Tăng Võ Thanh A, sinh ngày: 10/6/2008 và Tăng Võ Thanh B, sinh ngày: 30/6/2010.

Cuộc sống chung giữa ông và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn kể từ khi sinh con chung thứ hai vào năm 2010, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế thiếu hụt, thu nhập của ông H không đủ đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt và yêu cầu của bà L. Hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng ông không có sự chia sẻ, động viên nhau nên đôi bên thường xuyên bất đồng và xung đột. Thời gian mâu thuẫn kéo dài đến năm 2012, ông và bà L quyết định sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù ông đã cố

gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Võ Thị Bích L.

- Về con chung: Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Võ Thị Bích L: Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để lấy lời khai giải quyết vụ án ly hôn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là bà Võ Thị Bích L tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà L không có ý kiến phản hồi thông báo về việc thụ lý vụ án cũng không có mặt tại tòa để tham gia tố tụng theo quy định.

Tại phiên tòa,

Căn cứ vào đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17 tháng 9 năm 2018 của ông H, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Bị đơn bà Võ Thị Bích L đã được niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số 207/PB-DS ngày 19/9/2018.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về: " Ly hôn" được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn bà Võ Thị Bích L có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục:*

Bị đơn bà Võ Thị Bích L đã được tống đạt hợp lệ từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử lần thứ 2 vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 nguyên đơn ông Tăng Vũ Trường H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3].*Về yêu cầu của đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao từ sổ gốc Giấy chứng nhận kết hôn số: 93, quyển số 01 ngày 06/6/2005 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ giữa ông Tăng Vũ Trường H và bà Võ Thị Bích L là quan hệ Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ đơn ly hôn ngày 18/9/2017, bản khai ngày 16/10/2017 và 03/4/2018, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 27/7/2018 ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Tòa án đã mời các bên đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng bà L không có mặt để tham gia hòa giải, điều này cho thấy bà L không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Xét thấy, cuộc sống chung giữa ông H và bà L đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ vào yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông H và các bản trình bày ý kiến của hai cháu Tăng Võ Thanh A, sinh ngày: 10/6/2008 và Tăng Võ Thanh B, sinh ngày: 30/6/2010 vào ngày 03/4/2018 có nguyện vọng được sống cùng ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay, hai con chung là cháu An và Bình chung sống với cha là ông Tăng Vũ Trường H; Ông Hải có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà L cũng không có ý kiến phản hồi về vấn đề con chung. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi của con chung, yêu cầu của ông H được trực tiếp nuôi hai con là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà Liễu cấp dưỡng nuôi con nên nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Ông H yêu cầu được tự thỏa thuận với bà L, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu của nguyên đơn. Do đó, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc "Ly hôn" là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 278, và Điều 280 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Tăng Vũ Trường H

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tăng Vũ Trường H được ly hôn với bà Võ Thị Bích L.

- Về con chung: Giao cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên: Tăng Võ Thanh A, sinh ngày: 10/6/2008 và Tăng Võ Thanh B, sinh ngày: 30/6/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Võ Thị Bích L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục 2 con chung. Vì lợi ích của của con, khi có căn cứ bà L, ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của ông H tự thỏa thuận với bà L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng ông Tăng Vũ Trường H phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002990 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc An